

# **Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 37

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 – Thông tin chung về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Xuân Hán	Thành viên
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên
Ông Trần Anh Vương	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng Ban
Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hán	Tổng Giám đốc
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:  


Đình Xuân Hân  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61516334/21225798

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được lập ngày 2 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

ĐƯỢC  
CHẤM  
TÊN  
T  
H  
H  
N

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2019.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

00  
TY  
H  
YO  
NAI  
HAI  
A NỘ  
IEM -

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>601.064.578.126</b>	<b>513.730.155.230</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>17.567.205.803</b>	<b>51.651.648.250</b>
111	1. Tiền		12.567.205.803	5.151.648.250
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	46.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>496.480.000.000</b>	<b>358.480.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	496.480.000.000	358.480.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>25.640.052.538</b>	<b>32.762.082.031</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	2.921.430.444	2.069.120.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.240.189.169	409.566.289
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.337.144.435	35.358.446.678
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,7	(10.058.886.940)	(5.275.227.164)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		200.175.430	200.175.430
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>58.615.142.694</b>	<b>66.565.329.422</b>
141	1. Hàng tồn kho		58.948.353.747	66.963.228.069
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(333.211.053)	(397.898.647)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.762.177.091</b>	<b>4.271.095.527</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.512.431.420	3.021.349.856
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.249.745.671	1.249.745.671
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.996.237.413.142</b>	<b>1.982.688.326.626</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>90.785.628</b>	<b>125.785.628</b>
221	1. Phải thu dài hạn khác		90.785.628	125.785.628
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>34.407.286.649</b>	<b>40.444.431.514</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	34.407.286.649	40.444.431.514
222	Nguyên giá		79.992.512.970	81.452.416.607
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(45.585.226.321)	(41.007.985.093)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>759.190.910</b>	<b>642.790.910</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	759.190.910	642.790.910
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>1.959.870.731.862</b>	<b>1.929.119.530.839</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		286.193.148.150	286.193.148.150
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết		891.614.446.300	886.045.709.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		763.703.927.254	739.074.903.022
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(14.640.789.842)	(15.194.229.833)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		33.000.000.000	33.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.109.418.093</b>	<b>12.355.787.735</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.109.418.093	12.355.787.735
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.597.301.991.268</b>	<b>2.496.418.481.856</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>20.040.878.414</b>	<b>15.649.157.779</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.882.229.803</b>	<b>15.490.509.168</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.103.196.204	1.637.382.329
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	4.775.534.309	3.549.891.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	159.741.366	476.009.469
314	4. Phải trả người lao động		4.219.981.995	2.553.554.751
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.014.055.707	1.173.726.329
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	194.884.182	755.452.469
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	764.818.613	555.089.200
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	5.650.017.427	4.789.402.921
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>158.648.611</b>	<b>158.648.611</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		158.648.611	158.648.611
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.577.261.112.854</b>	<b>2.480.769.324.077</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>2.577.261.112.854</b>	<b>2.480.769.324.077</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		207.261.112.854	110.769.324.077
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		39.669.324.077	24.506.931.277
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		167.591.788.777	86.262.392.800
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.597.301.991.268</b>	<b>2.496.418.481.856</b>

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Trần Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh  
Phó Tổng Giám đốc



Đinh Xuân Hán  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2020





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	48.101.630.012	48.999.563.087
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(68.191.327)	(37.768.540)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	48.033.438.685	48.961.794.547
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(38.676.185.182)	(40.515.013.220)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.357.253.503	8.446.781.327
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	215.210.195.385	138.325.527.842
22	7. Chi phí tài chính	24	542.286.017	(8.748.823.040)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(7.616.757.743)	(4.994.600.669)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(44.595.837.107)	(41.336.789.364)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		172.897.140.055	91.692.096.096
31	11. Thu nhập khác		152.076.782	100.151.525
32	12. Chi phí khác		(3.360.056)	(1.203.079.381)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		148.716.726	(1.102.927.856)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		173.045.856.781	90.589.168.240
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(205.307.382)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		172.840.549.399	90.589.168.240

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Trần Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Người duyệt


Hàn Thị Khánh Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hán  
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>173.045.856.781</b>	<b>90.589.168.240</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	10	4.674.568.137	4.646.354.417
03	Các khoản dự phòng		4.165.532.191	11.825.851.195
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.693.279	17.561.882
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	22.2	(215.208.845.385)	(137.146.273.542)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(33.319.194.997)</b>	<b>(30.067.337.808)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		927.030.198	53.127.335.520
10	Giảm hàng tồn kho		8.014.874.322	2.483.558.149
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		4.883.092.857	(31.076.140.678)
12	Giảm chi phí trả trước		11.246.369.642	12.177.614.264
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	(205.307.382)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.388.146.116)	(1.917.076.199)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(12.841.281.476)</b>	<b>4.727.953.248</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(116.400.000)	(4.121.544.319)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(917.460.000.000)	(626.960.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		779.460.000.000	457.960.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.795.616.800)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		221.761.959.108	142.660.015.103
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>49.849.942.308</b>	<b>(30.461.529.216)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20.3	(71.089.410.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(71.089.410.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.080.749.168)	(25.733.575.968)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.651.648.250	77.402.786.100
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.693.279)	(17.561.882)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	17.567.205.803	51.651.648.250

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Trần Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hán  
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- ▶ In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- ▶ Giáo dục nghề nghiệp;
- ▶ Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 86 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 84).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

**Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 4 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	65,41%	65,41%	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	66,35%	66,35%	Số 509 – 515 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.
3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	65,00%	65,00%	Số 115, đường Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	62,17%	93,70%	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

(\*) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |   |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                       | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản nhận được từ hợp tác kinh doanh để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tổng Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản (diện tích sàn văn phòng và các căn hộ chung cư) là giá trị được xác định tại thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần và sau đó, được phê duyệt bởi Bộ Y Tế theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam (Công ty TNHH Một thành viên) sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

11.11.2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần (ngày 8 tháng 12 năm 2016) được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty. Các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

*Doanh thu cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.14 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất ra hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.621.783.187	1.401.875.826
Tiền gửi ngân hàng	7.945.422.616	3.749.772.424
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	46.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.567.205.803</b>	<b>51.651.648.250</b>

(i) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5% đến 5,5% /năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,5%/năm)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi ngân hàng	496.480.000.000	496.480.000.000	358.480.000.000	358.480.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>496.480.000.000</b>	<b>496.480.000.000</b>	<b>358.480.000.000</b>	<b>358.480.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 7,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6% - 7,2%/năm).

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	190.369.200	275.100.000
Liên đoàn Bóng đá Việt Nam	357.896.199	46.349.962
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	528.506.127	125.482.071
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	340.549.767	74.000
Công ty TNHH Phúc Lâm	328.595.827	328.595.827
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	<u>1.175.513.324</u>	<u>1.293.518.938</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.921.430.444</b>	<b>2.069.120.798</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(724.484.776)	-

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Linh Travel	692.079.840	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Quản lý Doanh nghiệp	172.000.000	172.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Thành - UDIC	163.665.000	163.665.000
Công ty Cổ phần Interbrand Việt Nam	131.874.695	-
Các khoản trả trước khác	<u>80.569.634</u>	<u>73.901.289</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.240.189.169</b>	<b>409.566.289</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.275.147.945	(7.194.600.000)	7.514.800.000	(3.597.300.000)
Phải thu về cổ tức	11.137.427.164	(2.139.802.164)	17.500.094.164	(1.677.927.164)
Phải thu lãi tiền gửi	8.892.280.553	-	5.484.871.508	-
Các khoản tạm ứng	844.843.200	-	677.657.273	-
Phải thu ngắn hạn khác	687.445.573	-	681.023.733	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.337.144.435</b>	<b>(9.334.402.164)</b>	<b>35.358.446.678</b>	<b>(5.275.227.164)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>12.090.047.945</i>	<i>(511.875.000)</i>	<i>19.642.367.000</i>	<i>-</i>

**8. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	8.822.527.164	-	8.872.527.164	3.597.300.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	1.023.750.000	511.875.000	-	-
Các khách hàng khác	724.484.776	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.570.761.940</b>	<b>511.875.000</b>	<b>8.872.527.164</b>	<b>3.597.300.000</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	474.122.704	(833.871)	327.695.955	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.676.401.644	-	1.319.002.619	-
Hàng hóa (*)	56.797.829.399	(332.377.182)	65.316.529.495	(397.898.647)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.948.353.747</b>	<b>(333.211.053)</b>	<b>66.963.228.069</b>	<b>(397.898.647)</b>

(\*) Chủ yếu bao gồm giá trị hàng hóa bất động sản là diện tích sàn văn phòng và các căn hộ chung cư của Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm tại địa chỉ 60B Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 51.507 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 59.817 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định dùng cho quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	51.075.534.260	24.112.047.956	4.813.105.000	1.451.729.391	81.452.416.607
Giảm khác	-	(1.459.903.637)	-	-	(1.459.903.637)
Số dư cuối năm	51.075.534.260	22.652.144.319	4.813.105.000	1.451.729.391	79.992.512.970
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	97.168.128	43.600.000	1.041.440.000	688.190.252	1.870.398.380
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	28.795.687.450	8.528.962.711	2.780.584.514	902.750.418	41.007.985.093
Khấu hao trong năm	1.657.507.224	2.366.552.468	457.643.231	192.865.214	4.674.568.137
Giảm khác	-	(97.326.909)	-	-	(97.326.909)
Số dư cuối năm	30.453.194.674	10.798.188.270	3.238.227.745	1.095.615.632	45.585.226.321
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	22.279.846.810	15.583.085.245	2.032.520.486	548.978.973	40.444.431.514
Số dư cuối năm	20.622.339.586	11.853.956.049	1.574.877.255	356.113.759	34.407.286.649

Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là tòa nhà tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội và số 126A, Trần Quốc Thảo, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và số 95 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội cho các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án xây dựng nâng cấp Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	305.890.910	305.890.910
Dự án phần mềm ERP	220.500.000	220.500.000
Dự án tòa nhà văn phòng Tổng Công ty tại số 178 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh	232.800.000	116.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>759.190.910</b>	<b>642.790.910</b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	891.614.446.300	886.045.709.500
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 12.3</i> )	763.703.927.254	739.074.903.022
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	33.000.000.000	33.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(14.640.789.842)	(15.194.229.833)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.959.870.731.862</b>	<b>1.929.119.530.839</b>

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là giá trị trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Dược Danapha, một công ty liên kết của Công ty, phát hành với mệnh giá là 10 triệu VND/trái phiếu, có kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 4 tháng 5 năm 2018 và lãi suất danh nghĩa là 0%. Tại ngày đáo hạn, Tổng Công ty được lựa chọn nhận hoàn trả giá trị gốc của trái phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ 1 trái phiếu bằng 500 cổ phiếu. Tổng Công ty cũng không được phép chuyển nhượng trái phiếu trong thời gian chưa đến hạn chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1. Đầu tư vào công ty con**

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Số cuối năm			Số đầu năm			
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (i)	65,41%	138.997.108.326	-	203.078.940.000	65,41%	138.997.108.326	-	150.937.050.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (i)	66,35%	123.241.224.756	-	93.343.250.000	66,35%	123.241.224.756	-	166.078.250.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (i)	65,00%	23.954.815.068	-	13.081.250.000	65,00%	23.954.815.068	-	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>		<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>		

**12.2. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Số cuối năm			Số đầu năm			
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	22,87%	477.969.183.365	-	542.641.296.000	22,87%	477.969.183.365	-	688.476.144.300
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo	29,99%	201.182.470.211	-	(*)	29,99%	201.182.470.211	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược Danapha	28,50%	98.058.047.634	-	(*)	29,86%	98.058.047.634	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i)	28,43%	44.983.510.213	-	86.940.000.000	28,43%	44.983.510.213	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	22,07%	50.340.601.545	-	140.484.190.000	24,82%	44.771.864.745	-	143.437.330.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	41,15%	14.814.901.439	-	(*)	41,15%	14.814.901.439	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	25,00%	4.265.731.893	(993.368.505)	(*)	25,00%	4.265.731.893	(52.946.584)	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>891.614.446.300</b>	<b>(993.368.505)</b>		<b>886.045.709.500</b>	<b>(52.946.584)</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	15,00%	173.000.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	18,21%	197.712.783.695	-	226.817.094.240	18,17%	169.485.903.695	-	203.198.252.400
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i)	13,40%	139.411.862.876	-	163.881.900.000	13,40%	139.411.862.876	-	176.707.440.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco	14,25%	69.305.080.876	-	115.705.737.000	14,25%	69.305.080.876	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidiphar (i)	14,29%	47.925.759.865	-	59.262.266.800	14,29%	47.925.759.865	-	58.988.327.200
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (i)	10,23%	46.022.915.860	(6.843.057.460)	39.179.858.400	10,23%	46.022.915.860	(12.214.489.660)	33.808.426.200
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,9%	37.739.465.978	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (i)	6,78%	11.861.708.288	(5.078.458.288)	6.783.250.000	6,78%	11.861.708.288	-	13.566.500.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	11,37%	11.611.996.106	-	(*)	11,37%	11.611.996.106	-	(*)
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i)	9,10%	9.231.455.589	(1.725.905.589)	7.505.550.000	15,01%	9.231.455.589	(2.926.793.589)	6.304.662.000
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	7,76%	4.763.803.820	-	(*)	7,76%	4.763.803.820	-	(*)
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam	7,37%	280.000.000	-	(*)	5,26%	3.877.855.768	-	(*)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>763.703.927.254</b>	<b>(13.647.421.337)</b>			<b>739.074.903.022</b>	<b>(15.141.283.249)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội hoặc giá giao dịch bình quân của cổ phiếu trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom).

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	1.109.418.093	1.881.475.210
Lợi thế kinh doanh (*)	-	10.474.312.525
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.109.418.093</u></b>	<b><u>12.355.787.735</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Tổng Công ty. Giá trị lợi thế kinh doanh này được xác định và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng	200.000.000	200.000.000	-	-
Ladophar				
Công ty Cổ phần Thiết bị SISC Việt Nam	164.035.542	164.035.542	480.000.000	480.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	739.160.662	739.160.662	1.157.382.329	1.157.382.329
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.103.196.204</u></b>	<b><u>1.103.196.204</u></b>	<b><u>1.637.382.329</u></b>	<b><u>1.637.382.329</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC** (tiếp theo)

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	850.000.000	-
Văn phòng đại diện Abbott Laboratories SA tại thành phố Hồ Chí Minh	565.000.000	-
Các đối tượng khác	2.185.534.309	2.902.391.700
Bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	1.175.000.000	647.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.775.534.309</b>	<b>3.549.891.700</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/khấu trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	88.301.213	3.760.100.094	(3.778.065.876)	70.335.431
Thuế thu nhập cá nhân	39.072.904	1.503.514.471	(1.453.214.096)	89.373.279
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.635.056.861	(4.635.056.861)	-
Thuế nhập khẩu	-	417.467.284	(417.467.284)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	320.058.251	(320.058.251)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 27.1</i> )	-	205.307.382	(205.307.382)	-
Các loại thuế khác	348.635.352	13.360.056	(361.962.752)	32.656
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>476.009.469</b>	<b>10.854.864.399</b>	<b>(11.171.132.502)</b>	<b>159.741.366</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi phải trả cho cổ đông	264.714.343	264.836.151
Chi phí xây dựng cơ bản	339.578.471	339.578.471
Chi phí nghiên cứu thị trường	692.079.840	-
Chi phí truyền thông	977.332.400	-
Chi phí phải trả khác	740.350.653	569.311.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.014.055.707</b>	<b>1.173.726.329</b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	194.884.182	185.603.985
Doanh thu nhận trước cho thuê kho	-	569.848.484
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>194.884.182</b>	<b>755.452.469</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí bảo trì căn hộ	188.670.326	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.590.000	-
Khác	565.558.287	555.089.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>764.818.613</u></b>	<b><u>555.089.200</u></b>

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	4.789.402.921	2.377.399.155
Trích lập quỹ trong năm	5.248.760.622	4.326.775.440
Sử dụng quỹ trong năm	(4.388.146.116)	(1.914.771.674)
Số cuối năm	<u>5.650.017.427</u>	<u>4.789.402.921</u>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	2.370.000.000.000	24.506.931.277	2.394.506.931.277
Lợi nhuận thuần trong năm	-	90.589.168.240	90.589.168.240
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.326.775.440)	(4.326.775.440)
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>110.769.324.077</u>	<u>2.480.769.324.077</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	2.370.000.000.000	110.769.324.077	2.480.769.324.077
Lợi nhuận thuần trong năm	-	172.840.549.399	172.840.549.399
Chia cổ tức (*)	-	(71.100.000.000)	(71.100.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý (*)	-	(5.248.760.622)	(5.248.760.622)
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>207.261.112.854</u>	<u>2.577.261.112.854</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019, Tổng Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 với tỷ lệ là 3% trên mệnh giá cổ phiếu (300 VNĐ/1 cổ phiếu). Công ty cũng thực hiện tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Nhà nước	1.540.500.000.000	154.050.000	1.540.500.000.000	154.050.000
Công ty Cổ phần				
Tập đoàn Đầu tư				
Việt Phương	402.900.000.000	40.290.000	402.900.000.000	40.290.000
Các cổ đông khác	426.600.000.000	42.660.000	426.600.000.000	42.660.000
	<b>2.370.000.000.000</b>	<b>237.000.000</b>	<b>2.370.000.000.000</b>	<b>237.000.000</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<b>2.370.000.000.000</b>	<b>2.370.000.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức cho năm 2018: 300 VND/cổ phiếu	71.100.000.000	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>		
Cổ tức cho năm 2018	71.089.410.000	-

**20.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	33.275	15.778
- Euro (EUR)	7.646	10.241
- Forint Hungari (FT)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>48.101.630.012</b>	<b>48.999.563.087</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	19.968.619.357	29.442.796.502
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.514.809.376	18.819.466.585
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	9.433.516.348	-
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	184.684.931	737.300.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>68.191.327</b>	<b>37.768.540</b>
Hàng bán trả lại	68.191.327	37.768.540
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>48.033.438.685</b>	<b>48.961.794.547</b>
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.012.477.136	2.009.506.183
Doanh thu với các bên khác	46.020.961.549	46.952.288.364

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	28.827.956.553	20.874.476.157
Cổ tức, lợi nhuận được chia	186.380.888.832	117.433.116.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.350.000	17.934.785
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>215.210.195.385</b>	<b>138.325.527.842</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.814.501.645	25.752.158.215
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.616.358.525	14.364.956.358
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	8.310.012.606	-
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(64.687.594)	397.898.647
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.676.185.182</b>	<b>40.515.013.220</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(553.439.991)	8.311.105.384
Lỗi chênh lệch tỷ giá	11.153.974	437.717.656
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(542.286.017)</b>	<b>8.748.823.040</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	3.130.994.825	2.920.830.571
Chi phí khấu hao	86.096.928	86.096.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.188.792.619	1.353.103.543
Chi phí bán bất động sản	96.966.832	-
Chi phí bán hàng khác	1.113.906.539	634.569.627
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.616.757.743</b>	<b>4.994.600.669</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	1.203.058.198	793.095.708
Chi phí nhân công	13.077.147.949	11.010.284.160
Chi phí khấu hao	2.198.155.729	2.242.629.560
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	10.474.312.525	11.426.522.752
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.783.659.776	3.116.847.164
Thuế, phí và lệ phí	2.371.599.750	2.719.486.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.155.259	568.651.376
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.729.747.921	9.459.271.893
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.595.837.107</b>	<b>41.336.789.364</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí mua hàng hóa	15.605.814.155	23.449.621.482
Chi phí nhân công	19.538.017.349	17.117.680.753
Chi phí khấu hao	4.674.568.137	4.646.354.417
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	10.474.312.525	11.426.522.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.902.743.858	4.219.371.102
Chi phí khác	25.532.022.937	23.531.958.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>82.727.478.961</b>	<b>84.391.509.050</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**27.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>173.045.856.781</b>	<b>90.589.168.240</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.889.948.898	2.279.305.130
Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.620.255.000	1.677.927.164
Chi phí trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	8.258.158.800
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	444.000.000	444.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.693.279	17.561.882
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(186.380.888.832)	(117.931.716.900)
Chi phí trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(12.002.909.205)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã do đánh giá lại khoản mục tiền tệ năm trước	(17.561.882)	-
<b>Lỗ trước thuế ước tính trong năm</b>	<b>(19.397.605.961)</b>	<b>(14.665.595.684)</b>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	1.026.536.910	-
Lỗ chịu thuế ước tính trong năm	(20.424.142.871)	(14.665.595.684)
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>205.307.382</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	205.307.382	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.2 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		Đơn vị tính: VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
2017	2022	(9.544.986.173)	-	-	(9.544.986.173)
2018	2023	(14.665.595.684)	-	-	(14.665.595.684)
2019	2024	(20.424.142.871)	-	-	(20.424.142.871)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(44.634.724.728)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(44.634.724.728)</b>

Đây là các khoản lỗ thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty và chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp này. Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**27.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	Đơn vị tính: VND
	Số tiền
Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (Thuyết minh số 27.2)	44.634.724.728
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	5.300.447.323
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.158.380.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	3.138.374.044
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.693.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.935.172.051</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	76.363.633	76.363.633
		Mua hàng hóa	5.910.000	-
		Cổ tức được chia	-	1.023.750.000
		Thu hồi vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	2.500.000.000
		Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	184.684.931	238.700.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con	Thu hồi vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	20.000.000.000
		Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	498.600.000
		Cổ tức được chia	20.582.325.000	5.488.620.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Cổ tức được chia	8.485.750.000	15.759.250.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Mua trái phiếu	-	33.000.000.000
		Cổ tức được chia	3.110.533.600	6.998.700.600
		Ứng trước tiền dịch vụ kiểm nghiệm	1.175.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	9.492.175.000	10.124.988.000
		Đầu tư góp vốn	5.568.736.800	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	22.610.054.000	-
		Cung cấp dịch vụ	1.751.428.572	1.195.842.550
		Doanh thu nhận trước	-	647.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi- Synthelabo	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	89.998.800.000	47.999.360.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.134.000.000	1.134.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.567.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Tổng Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi có giá trị là 511.875.000 VND liên quan đến số tiền Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 còn nợ Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	Phải thu cổ tức được chia	1.023.750.000	1.023.750.000
		Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh	2.500.000.000	3.500.000.000
		Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh	80.547.945	320.200.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Phải thu cổ tức được chia	8.485.750.000	10.910.250.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia	-	3.888.167.000
			<b>12.090.047.945</b>	<b>19.642.367.000</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)</i></b>				
Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết	Trả trước tiền dịch vụ kiểm nghiệm	-	647.500.000
Công ty cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Trả trước tiền dịch vụ kiểm nghiệm	1.175.000.000	-
			<b>1.175.000.000</b>	<b>647.500.000</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao của Hội đồng Quản trị	840.000.000	816.000.000
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.860.000.000	1.776.797.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.700.000.000</b>	<b>2.592.797.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.018.974.546	1.072.374.545
Từ 1 – 5 năm	1.306.928.183	2.073.683.182
Trên 5 năm	750.113.636	1.017.227.273
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.076.016.365</u></b>	<b><u>4.163.285.000</u></b>

**30. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm trước (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Năm trước (đã trình bày lại)</i>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
Chi phí nguyên vật liệu	793.095.708	-	793.095.708
Chi phí nhân công	11.010.284.160	-	11.010.284.160
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.278.243.271	(14.278.243.271)	-
Chi phí khấu hao	-	2.242.629.560	2.242.629.560
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	11.426.522.752	11.426.522.752
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	3.116.847.164	-	3.116.847.164
Thuế, phí và lệ phí	2.719.486.751	-	2.719.486.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.651.376	-	568.651.376
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.850.180.934	609.090.959	9.459.271.893
	<b><u>41.336.789.364</u></b>	<b>-</b>	<b><u>41.336.789.364</u></b>
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>			
Chi phí mua hàng hóa	35.064.902.689	(11.615.281.207)	23.449.621.482
Chi phí nhân công	15.424.202.255	1.693.478.498	17.117.680.753
Chi phí khấu hao	4.646.354.417	-	4.646.354.417
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	11.426.522.752	11.426.522.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.316.750.973	(4.097.379.871)	4.219.371.102
Chi phí khác	24.454.044.527	(922.085.983)	23.531.958.544
	<b><u>87.906.254.861</u></b>	<b><u>(3.514.745.811)</u></b>	<b><u>84.391.509.050</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

*Người lập*

*Người duyệt*

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Trần Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Hàn Thị Khánh Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hán  
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 3 năm 2020

